

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 142/2017/DS-PT

Ngày 21 - 7 - 2017

V/v tranh chấp hợp vay

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Chí Tâm

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Trúc Phương

Ông Trần Phước Hội

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2016/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Trần Thị Cẩm N sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

*- Bị đơn:* 1. Nguyễn Thị C sinh năm: 1975.

2. Hồ Văn H sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Văn P sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

2. Nguyễn Văn K sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm N trình bày:*

Ngày 08/10/2009 chị C vay số tiền 510.000.000 đồng, đến ngày 12/3/2010 chị C vay tiếp 400.000.000 đồng. Tổng cộng là 910.000.000 đồng, lãi suất là 2.500 đồng/1triệu /ngày, không thời hạn. Số tiền 910.000.000 đồng chị C đã cho bà Nguyễn Thị L ở thị trấn M vay lại 210.000.000 đồng. Thời gian lâu thấy chị C hèn nhưng không trả số tiền trên nên chị đòi, chị C nói khi nào bà L trả sẽ trả cho chị. Ngày 01/6/2010 bà L trả chị C, chị C trả cho chị 210.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng. Nhiều lần chị yêu cầu chị C và anh H trả nhưng anh, chị không thực hiện. Nay yêu cầu chị C, anh H trả số tiền vay vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi 69 tháng theo lãi suất ngân hàng 0,75% đến thời điểm khởi kiện ngày 01/9/2015 số tiền là 362.250.000 đồng. Tổng cộng là 1.062.250.000 đồng.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị C thừa nhận như lời trình bày của chị N, chị vay tiền và làm ăn qua lại chị N nhiều lần. Số tiền tranh chấp chị N cho chị vay số tiền là 700.000.000 đồng lãi suất là 2,5%/ ngày, sau đó cho anh Nguyễn Văn K vay lại với lãi suất là 3%/ngày. Đến tháng 10/2010 quyết toán chị còn nợ chị N là 650.000.000 đồng, do chị có kêu anh K trả cho chị N 50.000.000 đồng, nhưng chị N không trừ mà vẫn tính vào tiền vốn. Hiện tại chị còn nợ chị N là 650.000.000 đồng, chị đã trả lãi cho chị N được 191.250.000 đồng (lãi xuất 7,5%/tháng). Nay chị N yêu cầu chị trả số tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi 69 tháng theo lãi suất ngân hàng 0.75%/tháng là 362.250.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 1.062.250.000 đồng chị không đồng ý, chỉ đồng ý trả 650.000.000 đồng vốn và lãi suất tính theo ngân hàng nhà nước qui định trừ đi 191.250.000 đồng, còn bao nhiêu chị đồng ý trả, do gia đình hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên xin cho trả dần.

- Bị đơn anh Hồ Văn H trình bày:

Việc vay nợ giữa vợ là Nguyễn Thị C và chị Trần Thị Cẩm N thì anh không biết và không có ký tên trong các biên nhận, nhận tiền nên không đồng ý liên đới cùng chị C trả nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn P trình bày:

Việc cho vay tiền giữa vợ anh là Trần Thị Cẩm N với chị Nguyễn Thị C và anh Hồ Văn H thì anh không biết, đến khi chị C không trả tiền, chị N nói mới biết. Trong vụ kiện này anh không ý kiến gì. Anh thống nhất ý kiến của chị N và giao cho vợ anh quyết định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày:

Theo bản khai ngày 14/3/2016 của anh K thì chị C cho rằng tháng 10/2010 gửi anh 50.000.000 đồng thực tế chị C không đưa số tiền trên để anh trả cho chị N, lời trình bày của chị C là không đúng sự thật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2016/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng: Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu chị Trần Thị Cẩm N đòi chị Nguyễn Thị C và anh Hồ Văn H trả số tiền vay vốn và lãi tổng cộng là 1.062.250.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị C, anh Hồ Văn H liên đới trả cho chị Trần Thị Cẩm N và anh Trần Văn P số tiền vốn là 656.365.200 đồng, lãi là 193.308.000 đồng; tổng cộng số tiền là 849.673.200 đồng (Tám trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án số tiền chưa thi hành xong hàng tháng phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định, tương ứng với số tiền tại từng thời điểm thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C, anh Hồ Văn H phải nộp 37.490.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị Cẩm N phải chịu 10.628.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 21.434.000 đồng tạm ứng án phí lai thu số BM/2012 035592 ngày 12/10/2015; chị Trần Thị Cẩm N nhận lại 10.058.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/01/2017 anh H kháng cáo một phần bản án. Anh H không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng chị C trả tiền cho chị Nang.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N, chị C, anh H, anh P có mặt trình bày ý kiến, anh K có đơn xin vắng mặt. Các đương sự có mặt đã khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày căn cứ kháng cáo của anh là anh H hoàn toàn không biết số tiền chị C vay này, anh không đồng ý chị C vay số tiền lớn. Chị C cũng không dùng số tiền này mục đích chung cho gia đình; không có dùng tiền để xác lập mua thêm tài sản riêng mà sau này anh biết là dùng cho vay lại cụ thể là cho anh Nguyễn Văn K vay lại xảy ra tranh chấp được giải quyết theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự ngày 06/5/2010 của Tòa án.

Chị N giữ nguyên ý kiến đồng ý với bản án sơ thẩm. Anh P không có yêu cầu trong vụ án nhưng anh thống nhất ý kiến của chị N là yêu cầu chị C cùng anh H có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục

quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng; sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hợp đồng vay giữa chị Trần Thị Cẩm N và chị Nguyễn Thị C, anh Hồ Văn H theo quyết định của bản án sơ thẩm là: Số tiền chị N kiện yêu cầu 212.576.800 đồng không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Buộc chị Nguyễn Thị C, anh Hồ Văn H liên đới trả cho chị Trần Thị Cẩm N số tiền vốn là 656.365.200 đồng, tiền lãi là 193.308.000 đồng, tổng cộng là 849.673.200 đồng. Do các đương sự thống nhất nên không xem xét lại số tiền vốn, tiền lãi đã được tính buộc các bên đã thực hiện nghĩa vụ cho nhau. Anh P cũng đồng ý bản án không có yêu cầu gì, anh H kháng cáo yêu cầu không có trách nhiệm liên đới cùng chị C trả nợ cho chị N.

[2] Xét kháng cáo của anh Hồ Văn H thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh cho rằng việc vay tiền anh không biết và trong biên nhận anh không ký tên nhận tiền nên anh không có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho chị N. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do chị N xác định ngày giao nhận tiền của biên nhận ngày 08/10/2009 và biên nhận ngày 12/3/2010 anh H không trực tiếp nhận tiền và ký tên vào biên nhận nhưng anh H có chở chị C đến nhà chị N để chị C nhận tiền chứng tỏ anh H biết số tiền trên. Đồng thời tại bản khai ngày 16/10/2015 anh H xác nhận hôn nhân giữa anh và chị C vẫn tồn tại cho đến nay nên chị N khởi kiện anh H với tư cách là bị đơn và buộc anh H liên đới trả số tiền 849.673.200 đồng là chưa phù hợp đúng quy định pháp luật.

Bởi lẽ anh H không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng chị C trả tiền cho chị N lý do chị C vay tiền anh H không hay biết, số tiền này không sử dụng cho công việc chung trong gia đình vì chị C dùng để cho vay lại. Tại phiên tòa anh H và chị C thừa nhận là vợ chồng anh chị sống chung nhà với nhau nhưng về kinh tế gia đình anh H làm nghề tự do; chị C cho vay, mua bán lúa thu nhập sinh sống. Anh H, chị C đều có vay tiền của chị N; chị C thì dùng để cho vay lại; anh H thì vay dùm cho bạn bè. Số tiền còn thiếu chị N là do chị C cho anh Nguyễn Văn K vay lại hiện tại theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 41/2010/QĐST-DS ngày 06/5/2010 của Tòa án thì anh K còn phải thi hành trả cho chị C số tiền 760.000.000 đồng; sự việc

cho vay này chị N cũng biết. Chị N thừa nhận cung cấp thêm các biên nhận nợ trong các lần vay khác không có tranh chấp thì việc ký tên vay tiền; thanh toán tiền vốn và lãi của chị C, anh H là tự anh H, chị C thực hiện riêng không liên quan nhau. Số tiền hai khoản vay chị N đang khởi kiện tuy chị N trình bày có anh H cùng theo chị C nhận tiền tại nhà chị, nhưng chị không yêu cầu anh H cùng ký tên. Anh H, chị C không thừa nhận lời trình bày của chị N; do đó chị N không có gì chứng minh lời trình bày của chị nhưng qua đó thấy được ý thức chị N cũng thừa nhận không yêu cầu anh H nhận nợ nên từ đó xét việc yêu cầu buộc anh Hồ Văn H liên đới cùng chị Nguyễn Thị C trả chị Trần Thị Cẩm N tiền vốn là 656.365.200 đồng và lãi là 193.308.000 đồng, tổng cộng số tiền là 849.673.200 đồng là không phù hợp.

Ngoài ra về số tiền án phí sơ thẩm chị N, chị C phải chịu được tính và khấu trừ trong bản án sơ thẩm ghi nhận cũng không chính xác nên sửa chữa ghi lại số lấy tròn số để đảm bảo thuận tiện việc thi hành án.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh H không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường Vụ Quốc hội số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

1. Chấp nhận kháng cáo anh Hồ Văn H.

2. Sửa bản án sơ thẩm số 36/2016/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu chị Trần Thị Cẩm N đối với chị Nguyễn Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị C trả cho chị Trần Thị Cẩm N số tiền tổng cộng số tiền là 849.673.200 đồng (Tám trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Phản án phí, chi phí tố tụng:

+ Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị C phải nộp 37.490.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Chị Trần Thị Cẩm N phải chịu 10.628.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ vào 21.934.000 đồng tạm ứng án phí lai thu số BM/2012/035592 ngày 12/10/2015; chị Trần Thị Cẩm N nhận lại 11.305.200 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

+ Án phí phúc thẩm:

Anh Hồ Văn H được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 09780 ngày 12/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đ;
- Tòa án huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Chí Tâm**